

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 98/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-11-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hương

2. Ông Trương Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 300/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phúc T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 33, Khu phố 6, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Công H, sinh năm 1970.

Địa chỉ thường trú: phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ tạm trú: Tổ 33, Khu phố 6, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Phúc T và ông Hoàng Công H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15, ngày 17/02/2006.

Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi. Nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp về lối sống, tính cách. Ông H không có việc làm ổn định mà còn thường xuyên uống rượu bia, không có sự quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con. Mọi công việc trong gia đình đều do một mình bà T lo lắng, chăm sóc. Bà T và ông H đã sống ly thân được 02 năm nay. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Hoàng Công H.

Về con chung: Ông H và bà T có 01 con chung là Hoàng Phúc Khánh A, sinh ngày 09/02/2007. Bà Nguyễn Thị Phúc T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông Hoàng Công H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn trình bày:*

Ông H thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, nơi kết hôn và mâu thuẫn trong gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do công việc của ông H không ổn định, không có thu nhập về đóng góp chăm lo cho gia đình. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là không lớn, chưa đến mức phải ly hôn. Ông H vẫn còn thương yêu vợ con, muốn gia đình được đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông H và bà T có 01 con chung là Hoàng Phúc Khánh A, sinh ngày 09/02/2007. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông H đồng ý để bà T được trực tiếp nuôi con, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phúc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Hoàng Công H giữ nguyên quan điểm, không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia

tổ tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Phúc T khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi con đối với ông Hoàng Công H. Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông H đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 17/02/2006, bà Nguyễn Thị Phúc T và ông Hoàng Công H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp theo qui định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà T xác định giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi. Nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp về lối sống, tính cách. Ông H không có việc làm ổn định mà còn thường xuyên uống rượu bia, không có sự quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con. Mọi công việc trong gia đình đều do một mình bà T lo lắng, chăm sóc. Bà T và ông H đã sống ly thân được 02 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông H cũng xác định quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do công việc của ông H không ổn định, không có thu nhập về đóng góp chăm lo cho gia đình. Tuy nhiên, ông H xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là không lớn, chưa đến mức phải ly hôn. Ông H vẫn còn thương yêu vợ con, muốn gia đình được đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn với bà T. Xét thấy, tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Ông H không có việc làm ổn định mà còn thường xuyên uống rượu bia, không có sự quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con. Đồng thời, ông H và bà T cũng không có cách thức hay hành động nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà T và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung là Hoàng Phúc Khánh A, sinh ngày 09/02/2007. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con. Tại phiên tòa, ông H cũng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, việc giao cho ai là người trực tiếp nuôi con cần xét đến hoàn cảnh thực tế của mỗi bên sau khi ly hôn nhằm đảm bảo quyền lợi của con chung để con có điều kiện phát triển lành mạnh về mọi mặt. Về điều

kiện nuôi dưỡng chăm sóc con chung, ông H hiện không có công việc và thu nhập ổn định, trong khi đó bà T có chỗ ở, công việc là giáo viên, có thu nhập ổn định hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng. Đồng thời, cháu An cũng có nguyện vọng được sống chung với bà T. Vì vậy, việc giao cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Phúc T phải chịu số tiền 300.000 đồng; ông H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phúc T đối với bị đơn là ông Hoàng Công H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phúc T được ly hôn với ông Hoàng Công H.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phúc T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Hoàng Phúc Khánh A, sinh ngày 09/02/2007.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần

thiết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phúc T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0034549 ngày 17/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CC THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường T, Tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung